

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN
KHỐI: 10
***Thời gian: Tuần 9 (HK I)**

A. ÔN TẬP CHUNG

BÀI 1 – SỨC HẤP DẪN CỦA TRUYỆN KỂ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- *Học sinh nhận biết* được một số yếu tố (cốt truyện, không gian, thời gian, ngôi kể, nhân vật,...) trong truyện kể nói chung và thần thoại nói riêng.
- *Học sinh phân tích* được các yếu tố (cốt truyện, không gian, thời gian, ngôi kể, nhân vật,...) được thể hiện trong truyện kể nói chung và thần thoại nói riêng
- *Học sinh phân tích* được một số căn cứ để xác định chủ đề của truyện kể nói chung và thần thoại nói riêng
- *Học sinh đánh giá* được chủ đề, tư tưởng và thông điệp của văn bản truyện kể nói chung và thần thoại nói riêng.

2. Về năng lực

- *Học sinh phát triển:* Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....
- *Học sinh viết* được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của một tác phẩm truyện.

3. Về phẩm chất

Học sinh có ý thức sống có khát vọng, có hoài bão, và thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng

II. TRI THỨC NGỮ VĂN

1. Truyện kể

a. Cốt truyện

- Cốt truyện trong tác phẩm tự sự (thần thoại, sử thi, cổ tích, truyện ngắn, tiểu thuyết,...) và kịch được tạo nên bởi sự kiện (hoặc chuỗi sự kiện).

b. Sự kiện

- Sự kiện là sự việc, biến cố dẫn đến những thay đổi mang tính bước ngoặt trong thế giới nghệ thuật hoặc bộc lộ những ý nghĩa nhất định với nhân vật hay người đọc - điều chưa được họ nhận thấy cho đến khi nó xảy ra.
- Sự kiện trong cốt truyện được triển khai hoặc liên kết với nhau theo một mạch kể nhất định, thống nhất với hệ thống chi tiết và lời văn nghệ thuật (bao gồm các thành phần lời kể, lời tả, lời bình luận,...) tạo thành truyện kể.

c. Người kể chuyện

- Trong nhiều loại hình tự sự dân gian, người kể chuyện có thể là người trực tiếp tiếp diễn xướng để kể lại câu chuyện cho công chúng. Trong tự sự của văn học viết, người kể chuyện là “vai” hay “đại diện” mà nhà văn tạo ra để thay thế mình thực hiện việc kể chuyện.
- Truyện kể chỉ tồn tại khi có người kể chuyện. Nhờ người kể chuyện, người đọc được dẫn dắt vào thế giới nghệ thuật của truyện kể để tri nhận về nhân vật, sự kiện, không gian, thời gian,...Người kể chuyện cũng khơi dậy ở người đọc những suy tư về ý nghĩa mà truyện kể có thể gợi ra.

d. Tình huống truyện

- Sự việc đặc biệt

- Cuộc sống hiện ra đậm đặc
- Thể hiện tư tưởng tác giả

e. Nhân vật

- Nhân vật là con người cụ thể được khắc họa trong tác phẩm văn học bằng các biện pháp nghệ thuật. Cũng có những trường hợp nhân vật trong tác phẩm văn học là thần linh, loài vật, đồ vật,...nhưng khi ấy, chúng vẫn đại diện cho những tính cách, tâm lí, ý chí hay khát vọng của con người.
- Nhân vật là phương tiện để văn học khám phá và cắt nghĩa về con người.

2. Thần thoại

a. Khái niệm:

- Thần thoại là thể loại truyện kể xa xưa nhất, thể hiện quan niệm về vũ trụ và khát vọng chinh phục thế giới tự nhiên của con người thời nguyên thủy.

b. Phân loại

- *Căn cứ theo chủ đề:*
 - + Thần thoại suy nguyên (kể về nguồn gốc vũ trụ và muôn loài)
 - + Thần thoại sáng tạo (kể về cuộc chinh phục thiên nhiên và sáng tạo văn hóa)
- *Căn cứ theo đề tài, nội dung:*
 - + Truyện kể về việc sinh ra trời đất, núi sông, cây cỏ, muông thú.
 - + Truyện kể về việc sinh ra loài người và các tộc người.
 - + Truyện kể về kì tích sáng tạo văn hóa.

c. Đặc điểm

- Cốt truyện đơn giản.
- Thời gian, không gian:
 - + Thời gian phiếm chỉ mang tính ước lệ.
 - + Không gian vũ trụ với nhiều cõi khác nhau.
- Nhân vật chính: các vị thần, những con người có nguồn gốc thần linh, năng lực siêu nhiên, hình dạng khổng lồ, sức mạnh phi thường.

Chức năng của các nhân vật là cắt nghĩa, lí giải các hiện tượng tự nhiên và đời sống xã hội, thể hiện niềm tin và khát vọng tinh thần có ý nghĩa lâu dài của nhân loại.

- Thủ pháp nghệ thuật: cường điệu, phóng đại.
- Lối tư duy hồn nhiên, chất phác, trí tưởng tượng bay bổng, lãng mạn.

3. Thể loại truyền kỳ

- Là một thể văn xuôi tự sự thời trung đại, phản ánh hiện thực qua những yếu tố hoang đường.
- Đằng sau những tình tiết phi hiện thực người đọc có thể tìm thấy những vấn đề cốt lõi hiện thực cũng như quan niệm, thái độ của tác giả.

III. LÀM VĂN

1. Thể loại: Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm/văn bản truyện

2. Yêu cầu:

- Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện (nhân đề, tên tác giả,...) và ý kiến khái quát của người viết về tác phẩm.
- Tóm tắt tác phẩm truyện (vừa đủ để người đọc nắm được nội dung chính).
- Phân tích cụ thể, rõ ràng về tác phẩm truyện (chủ đề, nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng) với những cứ liệu sinh động.
- Đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.
- Khẳng định giá trị của tác phẩm truyện.

BÀI 2 – VẺ ĐẸP CỦA THƠ CA

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Học sinh nhận biết được một số yếu tố: Thơ trữ tình, nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, vần thơ, nhịp điệu, đối, thi luật, thể thơ.
- Học sinh phân tích được các yếu tố Thơ trữ tình, nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, vần thơ, nhịp điệu, đối, thi luật, thể thơ.
- Học sinh đánh giá được chủ đề, nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm thơ..

3. Về năng lực

- Học sinh viết bài văn phân tích, đánh giá về nội dung và nghệ thuật cơ bản của tác phẩm thơ.
- Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....

3. Về phẩm chất

- Học sinh xác định vẻ đẹp của cuộc sống thông qua tác phẩm thơ.

II. TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Khái niệm về thơ: Thơ là hình thức tổ chức ngôn từ đặc biệt, tuân theo một mô hình thi luật hoặc nhịp điệu nhất định. Mô hình này làm nổi bật mối quan hệ giữa âm điệu và ý nghĩa của ngôn từ thơ ca. Với hình thức ngôn từ như thế, thơ có khả năng diễn tả được những tình cảm mãnh liệt hoặc những ấn tượng, xúc động tinh tế của con người trước thế giới (Sách Kết nối tri thức với cuộc sống, tr43)

2. Đặc trưng

a. Đặc trưng về nội dung

- Thơ là sự thổ lộ tình cảm mãnh liệt đã được ý thức
- Thơ – nghệ thuật của trí tưởng tượng
- Tính cá thể hóa của tình cảm trong thơ

b. Đặc trưng về hình thức

- Thơ biểu hiện bằng biểu tượng, ý tưởng
- Ngôn từ thơ được cấu tạo đặc biệt
- + Thứ nhất, ngôn từ thơ có nhịp điệu.
- + Thứ hai, ngôn từ thơ không có tính liên tục và tính phân tích như ngôn từ văn xuôi, ngược lại nó có tính nhảy vọt, gián đoạn, tạo thành những khoảng lặng giàu ý nghĩa
- + Thứ ba, ngôn từ thơ giàu nhạc tính với những âm thanh luyến láy, những từ trùng điệp, sự phối hợp bằng trắc và cách ngắt nhịp có giá trị gợi cảm

3. Phân loại thơ

- Thơ trữ tình - thơ tự sự - thơ kịch
- Thơ luật – Thơ tự do – Thơ văn xuôi
- Một số thể thơ luật cơ bản: Thất ngôn bát cú, tứ tuyệt, lục bát

4 Thơ trữ tình

a. Khái niệm

Thơ trữ tình là loại tác phẩm thơ thường có dung lượng nhỏ, thể hiện trực tiếp cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình (Sách giáo khoa Ngữ văn 10, Kết nối tri thức với cuộc sống, tr43)

b. Các yếu tố của thơ trữ tình

- Nhân vật trữ tình: Nhân vật trữ tình (còn gọi là chủ thể trữ tình) là người trực tiếp bộc lộ rung động và tình cảm trong bài thơ trước một khung cảnh hoặc sự tình nào đó. Nhân vật trữ tình có mối quan hệ mật thiết với tác giả song không hoàn toàn đồng nhất với tác giả.

- Hình ảnh thơ: Hình ảnh thơ là các sự vật, hiện tượng, trạng thái đời sống được tác tạo một cách cụ thể, sống động bằng ngôn từ, khơi dậy cảm giác đặc biệt là những ấn tượng thị giác cũng như gợi ra những ý nghĩa tinh thần nhất định đối với người đọc.
- Vận thơ: Là sự cộng hưởng, hòa âm theo quy luật giữa một số âm tiết trong hay cuối dòng thơ. Vận có chức năng liên kết các dòng thơ và góp phần tạo nên nhịp điệu, nhạc điệu cũng như giọng điệu của bài thơ.
- Nhịp điệu: Là những điểm ngắt hay ngừng theo chu kì nhất định trên văn bản do tác giả chủ động bố trí. Nhịp điệu chứa đựng sự lặp lại có biến đổi của các yếu tố ngôn ngữ và hình ảnh nhằm gợi ra cảm giác về sự vận động của sự sống và thể hiện cảm nhận thẩm mỹ về thế giới.
- Nhạc điệu: Là cách tổ chức các yếu tố âm thanh của ngôn từ để lời văn gợi ra cảm giác về âm nhạc (âm hưởng, nhịp điệu). Trong thơ, những phương thức cơ bản để tạo nhạc điệu là gieo vần, điệp, phối hợp thanh điệu bằng – trắc.
- Đối: Là cách tổ chức lời văn thành hai vế cân xứng và sóng đôi với nhau cả về ý và lời. Căn cứ vào sự thuận chiều hay tương phản về ý và lời, có thể chia đối thành hai loại: đối cân (thuận chiều), đối chọi (ngược chiều).
- Thi luật: Là toàn bộ những quy tắc tổ chức ngôn từ trong thơ như gieo vần, ngắt nhịp, hòa thanh, đối, phân bố số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài thơ,...
- Thể thơ: Là sự thống nhất giữa mô hình thi luật và loại hình nội dung của tác phẩm thơ. Các thể thơ được hình thành và duy trì sự ổn định của chúng trong quá trình phát triển của lịch sử văn học.

III. LÀM VĂN

1. Thể loại: Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm/văn bản thơ

2. Yêu cầu:

- Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ được chọn (tên tác giả, hoàn cảnh ra đời, khuynh hướng, trào lưu văn học gắn liền với bài thơ, lí do chọn bài thơ để phân tích, đánh giá...).
- Chỉ ra và phân tích được những nét đặc sắc, độc đáo của bài thơ (từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh...).
- Đánh giá giá trị của bài thơ về phương diện nghệ thuật và ý nghĩa nhân sinh.



B. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I:

Câu trúc đề kiểm tra thời gian 90 phút, gồm 2 phần:

I. ĐỌC – HIỂU (5.0 điểm) gồm 06 câu hỏi tự luận:

Đọc hiểu các văn bản/ đoạn trích thuộc thể loại: Thần thoại, ngữ liệu ngoài SGK, thường bao gồm các dạng câu hỏi sau:

Ở mức độ nhận biết:

- Nhận biết được không gian, thời gian trong truyện thần thoại.
- Nhận biết được đặc điểm của cốt truyện, câu chuyện, nhân vật trong truyện thần thoại.
- Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.
- Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong truyện thần thoại.

Ở mức độ thông hiểu:

- Tóm tắt được cốt truyện.

- Hiểu và phân tích được nhân vật trong truyện thần thoại; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.
- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện; lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong truyện thần thoại.
- Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.

Ở mức độ Vận dụng:

- Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.

Ở mức độ Vận dụng cao:

- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.
- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, ... trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.
- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.

II. LÀM VĂN (5.0 điểm) : Đề bài thuộc dạng sau:

1. Thể loại: Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm/ văn bản truyện ngoài SGK:

Yêu cầu:

- Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện (nhân đề, tên tác giả,...) và ý kiến khái quát của người viết về tác phẩm.
- Tóm tắt tác phẩm truyện (vừa đủ để người đọc nắm được nội dung chính).
- Phân tích cụ thể, rõ ràng về tác phẩm truyện (chủ đề, nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng) với những cứ liệu sinh động.
- Đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.
- Khẳng định giá trị của tác phẩm truyện.

2. Khi làm bài HS cần đạt được các mức độ:

a. Nhận biết:

- Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, thể loại, ... của tác phẩm.
- Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học.

b. Thông hiểu:

- Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm.
- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.
- Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

c. Vận dụng:

- Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.
- Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).

d. Vận dụng cao:

- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.
- Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.

Đề kiểm tra minh họa

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

GIẾT CON SƯ TỬ Ở NÊ-MÊ¹

Thuở ấy ở Nê-mê có một con sư tử to lớn hung dữ gấp mười lần con sư tử ở Xi-tê-rông². Bó nó chính là tên Đại khổng lồ Ty-phông, đã có lần quật ngã Dớt³. Mẹ nó là Ê-chít-na, một con quỷ cái nửa người nửa rắn. Các anh em sư tử cũng đều là những loại ghê gớm cả. Nữ thần Hê-ra⁴ đã nuôi con sư tử này và đem thả vào vùng Nê-mê. Ác thú sống trong một cái hang có hai lối: một lối ra, một lối vào. Ngày ngày nó xuống đồng cỏ bắt gia súc, phá hoại mùa màng của nhân dân. Sư tử Nê-mê còn khác sư tử Xi-tê-rông ở chỗ không cung tên, gươm dao nào đâm thủng, bắn thủng da nó được. Hê-ra-clet làm thế nào để trị được con quái vật này? Các vị thần luôn luôn theo dõi giúp đỡ người anh hùng. Thần A-pô-lông cho chàng một cây cung và một ống tên. Thần Héc-mes cho chàng một thanh gươm dài và cong. Thần Hê-phai-tôn rèn cho chàng một bộ áo giáp vàng. Còn nữ thần A-then-na ban cho chàng một bộ quần áo do tự tay nàng dệt lấy vải may thành áo, thành quần rất đẹp. Đây là cây chùy gỗ tự tay chàng làm lấy trước khi đi diệt trừ ác thú ở Xi-tê-rông. Hồi ấy chàng tìm thấy một cây gỗ to và quý ở trong một khu rừng già. Cây gỗ rắn như sắt, chắc như đồng khiến chàng nghĩ tới có thể sử dụng nó làm một thứ vũ khí. Chàng bèn đốn cây chặt hết cành lá, chỉ lấy đoạn gốc để đẽo thành chùy. Chính với cây chùy này mà chàng hạ thủ được con sư tử Xi-tê-rông

Nhưng lần giao đấu này với sư tử Nê-mê không dễ dàng như lần trước. Hê-ra-clet phải tìm đến tận hang ổ của con vật. Chàng rình mò, xem xét thói quen, tính nết của nó rồi nghĩ kế diệt trừ. Sư tử Nê-mê ở trong một cái hang có hai cửa, vì thế không dễ đón đánh được nó. Hê-ra-clet thấy tốt nhất là phải lấp kín đi một cửa, buộc nó phải về theo một con đường nhất định. Và chàng mai phục ngay trước cửa hang. Chờ cho con vật ra khỏi hang, chàng giương cung bắn. Những mũi tên của chàng lao vút đi trúng liên tiếp vào thân con ác thú nhưng bật nảy ra và quần đi như bắn vào vách đá. Không còn cách gì khác là phải lao vào con ác thú giao chiến với nó bằng gươm, bằng chùy. Nhưng đến gần nó thì thật là nguy hiểm. Hê-ra-clet thận trọng trong từng đòn đánh con vật, vì chỉ sơ hở một chút thì người anh hùng sẽ biến thành bữa ăn ngon miệng cho sư tử. Lừa cho ác thú vô hụt, chàng vùng gươm bổ một nhát trời giáng xuống đầu nó. Nhưng ghê gớm làm sao, thanh gươm bật nảy như khi ta chém dao xuống đá. Da con vật chẳng hề xầy xước. Hê-ra-clet dùng chùy. Chàng hy vọng nện liên tiếp vào đầu nó thì nó sẽ không thể còn sức mà giao đấu với chàng. Nhưng chàng không thể nào nện liên tiếp vào đầu con vật. Chàng còn phải tránh những đòn ác hiểm

¹ Giết con sư tử ở Nê-mê là kì công đầu tiên trong mười hai kì công của người anh hùng Hê-ra-clet trong Thần thoại Hy Lạp.

² Theo Thần thoại Hy Lạp, trước khi lập mười hai kì công, Hê-ra-clet đã từng diệt trừ con sư tử hung dữ ở xứ Xi-tê-rông để bảo vệ đàn gia súc của cha và vua Tex-pi-ôx xứ Ter-pi.

³ Dớt: vị thần có quyền lực tối cao trong Thần thoại Hy Lạp, chủ của điện Ô-lem-pơ.

⁴ Nữ thần Hê-ra là vợ của Thần Dớt.

của nó như quật đuôi, vả trái, tát phải, nhảy bổ, lao húc... Bây giờ thì chỉ còn cách vật nhau với nó. Hê-ra-clet lợi dụng một đòn tấn công hụt của ác thú, nhảy phắt lên lưng, cỡi trên mình nó, hai chân quặp lấy thân còn hai tay vươn ra bóp cổ, ấn đầu nó xuống đất. Con sư tử không còn cách gì đối phó lại được. Hai chân sau của nó ra sức đạp mạnh xuống đất để hất người ngồi trên lưng nó xuống, nhưng vô ích. Còn hai chân trước của nó chỉ biết cào cào trên mặt đất. Trong khi đó thì đôi bàn tay của Hê-ra-clet, như đôi kim sắt thít chặt lấy cổ họng nó, khiến nó ngạt thở phải há hốc mồm ra và hộc hộc lên từng cơn. Chẳng bao lâu thì con thú yếu dần, cuối cùng chỉ còn là một cái xác. Thế là Hê-ra-clet vượt qua được một thử thách, lập được một chiến công kỳ diệu. Chàng muốn lột lấy bộ da sư tử làm áo giáp, dùng đầu sư tử làm mũ đội. Nhưng chẳng dao nào rạch được trên da con vật. Hê-ra-clet lấy luôn móng sắc con vật thay dao. Và chàng mặc bộ áo của chiến công ấy, đội chiếc mũ của vinh quang ấy, trở về Mi-xen báo công với nhà vua O-rit-xtê. Với bộ áo bằng da sư tử Nê-mê, từ nay trở đi Hê-ra-clet trở thành vô địch, không vũ khí nào có thể làm chàng đứt thịt rách da. [...]

Để ghi nhớ chiến công của người anh hùng Hê-ra-clet, nhân dân Hy Lạp sau này cứ hai năm một lần tổ chức Hội Nê-mê ở thung lũng Nê-mê thuộc đất Ác-gô-lit. Hội mở vào giữa mùa hè thường kéo dài độ ba đến bốn ngày để tỏ lòng thành kính và biết ơn đối với thần Dớt. Sau cái nghi lễ tôn giáo là đến các trò thi đấu thể dục thể thao. Trong thời gian mở hội, các thành bang Hy Lạp tạm thời hòa hoãn các cuộc xung đột, các mối hiềm khích để vui chơi.

(Trích Mười hai kỳ công của Hê-ra-clet, Thần thoại Hy Lạp, Nguyễn Văn Khoa, NXB Văn học, 2014, tr.386-389)

Trả lời các câu hỏi :

Câu 1: Văn bản trên thuộc thể loại nào ?

Câu 2: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản ?

Câu 3: Chi tiết Hê-ra-clet lấp kín một cửa hang của con sư tử Nê-mê cho thấy chàng là con người như thế nào?

Câu 4. Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn và nêu tác dụng của nó
“ Trong khi đó thì đôi bàn tay của Hê-ra-clet, như đôi kim sắt thít chặt lấy cổ họng nó, khiến nó ngạt thở phải há hốc mồm ra và hộc hộc lên từng cơn ”

Câu 5. Theo em, có thể lược bỏ chi tiết miêu tả con sư tử Nê-mê “không cung tên, gươm dao nào đâm thủng, bắn thủng da nó được” trong văn bản hay không? Vì sao?

Câu 6. Qua chi tiết Hê-ra-clet dù có đủ vũ khí được thần linh ban phát nhưng vẫn phải dùng chính đôi tay của mình để diệt trừ ác thú, bạn rút ra bài học gì? (viết khoảng 5-7 dòng)

II. VIẾT (5.0 điểm)

Viết một bài nghị luận (khoảng 500 chữ) phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của văn bản *Giết con sư tử ở Nê-mê*.



CHÚC CÁC EM ÔN TẬP TỐT!

